TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TP HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2020/QĐVDS-ST
Ngày 30/12/2020

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Chủ toạ phiên họp*: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Yên**

- *Th- ký phiên họp*: Bà **Nguyễn Thị Hải** - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên họp*: Bà **Vi Thị Ngọc Kim-** Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 315/2020/TLST- VHNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2020 về việc: Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân thực tế, theo Quyết định mở phiên họp số: 12/2020/QĐST-VDS ngày 18/12/2020, giữa:

1. Người yêu cầu: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn T, xã YB, huyện TT, Thành phố Hà Nội.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Quách Văn T, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Thôn T, xã YB, huyện TT, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu và bản tự khai tại Tòa án của chị Bùi Thị T trình bày thì: Chị và anh Quách Văn T kết hôn với nhau vào năm 1992, có đăng ký kết hôn ngày 28/11/1992 tại Uỷ ban nhân dân xã YB, huyện LS, tỉnh Hoà Bình (nay là huyện TT, Thành phố Hà Nội). Tại thời điểm đó do tôi chưa đủ 18 tuổi không được đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên tôi đã tự khai tăng tuổi là sinh vào ngày 30/4/1973 lừa dối UBND xã để được đăng ký kết hôn, thực tế là tôi sinh ngày 30/4/1975. Vợ chồng chúng tôi chung sống với nhau hạnh phúc từ đó đến nay và đã có 02 con chung là Quách Thị H, sinh ngày 05/12/1993 và Quách Mạnh H, sinh ngày 05/9/1995. Do ngày, tháng, năm sinh của tôi trong giấy chứng nhận đăng ký kết hôn khác với ngày, tháng, năm sinh trong chứng minh

thư nhân dân, sổ hộ khẩu và giấy khai sinh, điều này gây khó khăn cho chúng tôi trong việc thực hiện các giao dịch dân sự. Do vậy tôi đề nghị huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa tôi và anh T, đồng thời công nhận quan hệ hôn nhân thực tế cho chúng tôi theo quy định của pháp luật kể từ ngày tôi đủ tuổi đăng ký kết hôn là ngày 30/4/1993.

Tại bản khai của anh Quách Văn T cũng xác nhận sau khi đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới theo phong tục thì vợ chồng anh vẫn sống hạnh phúc từ đó đến nay và đã có 02 con chung, song đã làm ảnh hưởng đến các giao dịch dân sự, anh cũng đề nghị Toà án hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân thực tế cho anh và chị Bùi Thị T theo quy định của pháp luật kể từ ngày 30/4/1993.

Tại biên bản xác minh ngày 18/12/2020, UBND xã YB cho biết trong quá trình thực hiện việc đăng ký kết hôn, do cán bộ thực hiện. Mặt khác, thời điểm đó, công dân đến đăng ký kết hôn cũng không xuất trình giấy khai sinh, chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu nên ngày 28/11/1992 UBND xã YB đã tiến hành đăng ký kết hôn cho chị T và anh T khi chị T chưa đủ 18 tuổi. Đại diện UBND xã YB đề nghị Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu của chị T, anh T theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên họp, chị T, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ việc dân sự: Tòa án nhân dân huyện TT đã thụ lý, giải quyết việc dân sự đúng thẩm quyền; việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng và thời hạn đảm bảo đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Tòa án áp dụng điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 361, 369, 370 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị T và anh Quách Văn T. Căn cứ Điều 144, 149 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chị T, anh T phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện TT nhận định:

[1] Chị Bùi Thị T và anh Quách Văn T đều có nơi cư trú tại Thôn T, xã YB, huyện TT, Thành phố Hà Nội và có đăng ký kết hôn tại xã YB, huyện TT, Thành phố Hà Nội, nên Toà án nhân dân huyện TT thụ lý đơn yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật của chị T, anh T là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ngày 28/11/1992, chị T và anh T đến làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã YB, huyện LS, tỉnh Hoà Bình nay là huyện TT, thành phố Hà Nội. Thực tế chị T sinh ngày 30/4/1975 nhưng do chưa đủ tuổi nên đã tự khai cho mình sinh ngày 30/4/1973 làm tài liệu lừa dối để được đăng ký kết hôn, dẫn đến Ủy ban nhân dân xã YB đã đăng ký kết hôn cho chị T, anh T là vi phạm điều kiện kết hôn quy định tại Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Về phía UBND xã YB đã tin tưởng không kiểm tra các tài liệu về điều kiện kết hôn là lỗi thuộc về người có thẩm quyền giai đoạn năm 1992. Nay chị T, anh T thấy việc lừa dối để được đăng ký kết hôn đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình anh, chị nên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân thực tế cho chị T và anh T. Chị T cũng xác nhận sau khi đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới theo phong tục thì vợ chồng chị vẫn sống hạnh phúc từ đó đến nay và đã có 02 con chung, song đã làm ảnh hưởng đến các giao dịch dân sự nên đề nghị Toà án hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân thực tế cho anh chị theo quy định của pháp luật.

Do vậy có căn cứ để chấp nhận yêu đơn yêu cầu của chị T, anh T về yêu cầu Hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân thực tế giữa chị T, anh T kể từ ngày 30/4/1993 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị T, anh T phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 361, 369, 370 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình 2014: Điều 144, 149 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị T và anh Quách Văn T về huỷ việc kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân thực tế:

1.1. Hủy việc Đăng ký kết hôn trái pháp luật giữa chị Bùi Thị T và anh Quách Văn T tại giấy chứng nhận Đăng ký kết hôn số 38 ngày 28/11/1992 của Ủy ban nhân xã YB, huyện LS, tỉnh Hoà Bình (nay là huyện TT, Thành phố Hà Nội).

1.2. Công nhận hôn nhân thực tế giữa chị Bùi Thị T và anh Quách Văn T kể từ ngày 30/4/1993.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự, đ- ợc trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0011839 ngày 17/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị T, anh T có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định. Viện kiểm sát nhân dân cấp

trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

Nơi nhận :
- TAND thành phố Hà Nội;
- CC Thi hành án dân sự huyện TT;
- VKSND huyện huyện TT;
- Người yêu cầu; người có QLNVLQ;
- UBND xã YB.
- L- u hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Ngọc Yên